TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2021/DS-PT
Ngày: 26/11/2021
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 210/2021/DS-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim X, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm 1956 (Có mặt);

Theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2021.

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị P, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang..

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Lê Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn – chị Lê Thị Kim X, có người đại diện theo ủy quyền là bà Đào

Thị N trình bày: Chị Lê Thị Kim X có tham gia hụi do bà Lê Thị P làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2012, 03 tháng khui 01 lần, gồm 20 phần, chị X tham gia 01 phần, chưa hốt hụi, đóng được 16 kỳ, mỗi kỳ 3.000.000 đồng với số tiền 48.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/10/2013, 03 tháng khui 01 lần, gồm 20 phần, chị X tham gia 01 phần, chưa hốt hụi, đóng được 09 kỳ, mỗi kỳ 3.000.000 đồng với số tiền 27.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 05/4/2015, 01 tháng khui 01 lần, gồm 22 phần, chị X tham gia 01 phần, chưa hốt hụi, đóng được 21 kỳ với số tiền 21.000.000 đồng, sau khi cấn trừ số tiền 10.300.000 đồng theo thỏa thuận giữa chị X với bà P, bà P còn nợ chị X 10.700.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi bà P còn nợ chị X 85.700.000 đồng. Nay chị X yêu cầu bà P trả số tiền hụi 85.700.000 đồng.

Bị đơn – bà Lê Thị P trình bày:

Bà thừa nhận quá trình tham gia hụi của chị X đúng như bà N trình bày, tuy nhiên vì hụi bị bể nên bà chỉ đồng ý trả số tiền hụi chị X đã góp, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi 3.000.000đồng, mở ngày 15/01/2012, đóng 16 kỳ, mỗi kỳ 1.500.000 đồng với số tiền 24.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi 3.000.000đồng, mở ngày 15/10/2013, đóng được 09 kỳ, mỗi kỳ 1.500.000đồng với số tiền 13.500.000 đồng.

Dây 3: Hụi 1.000.000đồng, mở ngày 05/4/2015, đóng được 21 kỳ, mỗi kỳ 650.000 đồng với số tiền 13.650.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi là 51.150.000đồng. Tuy nhiên, bà có trả chị X 24.000.000đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền còn lại 27.150.000 đồng nhưng trả dần 03 tháng trả 01 lần, mỗi lần trả 600.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn bà Đào Thị N xác định chị Lê Thị Kim X thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị X yêu cầu bà P trả số tiền hụi chị X đã góp, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2012, đóng 16 kỳ, mỗi kỳ 1.800.000 đồng với số tiền 28.800.000 đồng.

Dây 2: Hụi 3.000.000đồng, mở ngày 15/10/2013, đóng được 09 kỳ, mỗi kỳ 1.800.000 đồng với số tiền 16.200.000 đồng.

Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 05/4/2015, thống nhất số tiền bà P còn nợ là 13.650.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi là 58.650.000 đồng. Chị X yêu cầu bà P trả số tiền hụi 58.650.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị P đồng ý trả cho chị Lê Thị Kim X số tiền hụi 27.150.000

đồng và xin trả dần 03 tháng trả 01 lần, mỗi lần trả 600.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 210/2021/DS-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim X.

Buộc bà Lê Thị P trả cho chị Lê Thị Kim X số tiền hụi 51.150.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, bị đơn bà Lê Thị P kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu xin trả dần số nợ hụi cho chị Lê Thị Kim X do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin trả dần số tiền nợ hụi của chị X 51.150.000 đồng, 03 tháng trả một lần, mỗi lần trả 600.000 đồng. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị P, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Lê Thị Kim X có tham gia 03 dây hụi do bà Lê Thị P làm đầu thảo gồm:

Dây 1: Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2012, 03 tháng khui 01 lần, gồm 20 phần, chị X tham gia 01 phần, chưa hốt hụi. Chị X trình bày đóng được 16 kỳ, mỗi kỳ 1.800.000 đồng với số tiền 28.800.000 đồng.

Dây 2: Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/10/2013, 03 tháng khui 01 lần, gồm 20 phần, chị X tham gia 01 phần, chưa hốt hụi. Chị X trình bày đóng được 09 kỳ, mỗi kỳ 1.800.000 đồng với số tiền 16.200.000 đồng.

Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 05/4/2015, 01 tháng khui 01 lần, gồm 22 phần, chị X tham gia 01 phần, chưa hốt hụi, đóng được 21 kỳ với số tiền 21.000.000 đồng, sau khi cấn trừ số tiền 10.300.000 đồng theo thỏa thuận giữa chị X với bà P, bà P còn nợ chị X 13.650.000 đồng.

Chị X yêu cầu bà P trả số tiền hụi của 03 dây hụi là 58.650.000 đồng.

Tại bản tường trình ngày 05/4/2021 và biên bản hòa giải ngày 20/4/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm bà P trình bày:

Dây 1: Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2012. Chị X đóng được 16 kỳ, mỗi kỳ 1.500.000 đồng với số tiền 24.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 15/10/2013. Chị X đóng được 09 kỳ, mỗi kỳ 1.500.000 đồng với số tiền 13.500.000 đồng.

Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 05/4/2015. Chị X đóng được 21 kỳ với số tiền 21.000.000 đồng, sau khi cấn trừ số tiền 10.300.000 đồng. Theo thỏa thuận giữa chị X với bà P, bà P còn nợ chị X 13.650.000 đồng.

Bà P thừa nhận bà còn nợ chị Phượng số tiền 03 dây hụi là 51.150.000 đồng, bà cho rằng đã trả cho chị X 24.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền còn lại cho chị X là 27.150.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà P chỉ đồng ý trả cho chị X số tiền hụi 27.150.000 đồng và xin trả dần, 03 tháng trả 01 lần, mỗi lần trả 600.000đồng.

[3] Xét hợp đồng góp hụi giữa bà P và chị X không thể hiện văn bản theo quy định tại Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Căn cứ vào lời thừa nhận của bà P có cơ sở xác định bà P còn nợ tiền hụi của chị X là 51.150.000 đồng. Chị X trình bày bà P còn nợ tiền hụi của chị là 58.650.000 đồng nhưng bà P không thừa nhận, chị X không có chứng cứ chứng minh. Bà P cho rằng đã trả cho chị X 24.000.000 đồng, chị X không thừa nhận, bà P cũng không có chứng cứ chứng minh.

[4] Án sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị X, buộc bà Phương phải trả cho chị X số tiền nợ hụi 51.150.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 92, Điều 471 Bộ luật Dân sự và Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Bà Lê Thị P kháng cáo yêu cầu xin trả dần số tiền nợ hụi cho chị Lê Thị Kim X do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhưng không được đại diện theo ủy quyền của chị X đồng ý. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P.

[5] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo, bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 210/2021/DS-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim X.

Buộc bà Lê Thị P trả cho chị Lê Thị Kim X số tiền hụi 51.150.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Kim X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị P chậm thi hành việc trả tiền thì bà Lê Thị P còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu 2.557.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004376 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Chị Lê Thị Kim X phải chịu 1.727.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị X đã nộp 2.142.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 3558 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền giang, khấu trừ nên được hoàn lại 415.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C, TG;
- CCTHADS huyện C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Hiếu

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Đạt **Nguyễn Ái Đoan** **Huỳnh Hiếu**